

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP
Vinacomin - Minerals Holding Corporation



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022
(Từ 01/01/2022 - 31/12/2022)

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
Trụ sở: 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại: 024 6287 6666

Số fax: 024 6288 3333

Website: www.vimico.vn

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình phát triển
3. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2020 - 2025
6. Các rủi ro và quản trị rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các Dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2022
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính và những đánh giá về tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị
3. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên đầy đủ: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Minerals Holding Corporation
- Tên rút gọn: Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- Tên viết tắt: VIMICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/4/2021.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Số điện thoại: 024 6287 6666
- Số fax: 024 6288 3333
- Website: www.vimico.vn
- Mã cổ phiếu: KSV

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (tiền thân là Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam) là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1118 QĐ/TCCBDT ngày 27/10/1995 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).

Theo Quyết định số 345/2005/QĐ-TT ngày 26/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển thành công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 27/04/2006, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 12/2006/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 0106000168, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 03/05/2007.

Theo Quyết định số 2449/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam được đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Theo Quyết định số 3169/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công Thương, Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - TKV chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV và đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103087, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 21/08/2012.

Thực hiện Quyết định số 2388/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Phương án CPH Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quyết định số 7850/QĐ-BCT ngày 30/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương v/v điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Tổng công ty đã tiến hành CPH và chính thức chuyển sang hoạt

động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 6/10/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 6/10/2015.

Ngày 28/12/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán tại Công văn số 8010/UBCK-QLPH.

Ngày 21/7/2016, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 440/QĐ-SGDHN v/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV trên sàn Upcom với mã chứng khoán KSV, số lượng đăng ký là 200.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000đ/cổ phiếu; tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.000 tỷ đồng.

Ngày 28/7/2016, tại HNX cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã chính thức giao dịch trên sàn Upcom.

Ngày 03/8/2018, Hội đồng thành viên TKV đã ban hành Quyết định số 1498/QĐ-TKV v/v phê duyệt quyết toán công tác CPH Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin tại thời điểm chính thức chuyển thành Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (thời điểm ngày 05/10/2015).

Năm 2021, Tổng công ty hoàn thành thủ tục sáp nhập Công ty TNHH MTV Đá quý Việt Nhật vào Tổng công ty, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 28/4/2021.

Ngày 20/12/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 856/QĐ-SGDHN về việc Chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

3. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (chính)	2420
2.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (Trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8710
3.	Khai thác quặng sắt	0710
4.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
5.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
8.	Sản xuất than cốc	1910
9.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
10.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
11.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
12.	Đúc kim loại màu	2432
13.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
14.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

16.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyên động	2814
17.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
18.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ loại nhà nước cầm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (trừ loại nhà nước cầm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
32.	Điều hành tua du lịch	7912
33.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình thủy	4291
36.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
37.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
38.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
40.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
41.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7212
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7213
43.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
45.	Khai thác gỗ	0220

46.	Đào tạo sơ cấp	8531
47.	Đào tạo trung cấp	8532
48.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Đào tạo cao đẳng	8533
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
52.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
53.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
54.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
55.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
56.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
57.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559

3.2. Một số sản phẩm chính:

**Sản phẩm do Công ty mẹ sản xuất:*

- Tinh quặng đồng 25% Cu: 71.269 tấn.
- Đồng tấm 99,90-99,99% Cu: 30.742 tấn (Nhà máy 1: 13.312 tấn; Nhà máy 2: 17.430 tấn).
- Tinh quặng sắt 60% Fe: 130.308 tấn.
- Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H₂SO₄: 85.229 tấn (12.586 tấn thu được trong giai đoạn chạy thử và sản xuất thử tại Nhà máy 2).
- Vàng kim loại 99,90-99,99% Au: 1.111 kg (Nhà máy 1: 571 kg; Nhà máy 2: 540 kg).
- Bạc kim loại 99,90-99,99% Ag: 1.451 kg.

**Sản phẩm do Công ty con sản xuất:*

- Kẽm thỏi 99,90-99,95% Zn: 12.500 tấn.
- Thiếc thỏi 99,75-99,95 % Sn: 130 tấn.
- Phôi thép CT5, Q235A, SD 295,...: 145.006 tấn.
- Tinh quặng sắt 60% Fe: 65.366 tấn.
- Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H₂SO₄: 16.468 tấn.
- Tinh quặng chì 50%Pb: 5.445,85 tấn.

3.3. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại một số tỉnh thành trong cả nước, đa số tại vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn trong đó tập trung ở khu vực Lào Cai, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn,...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

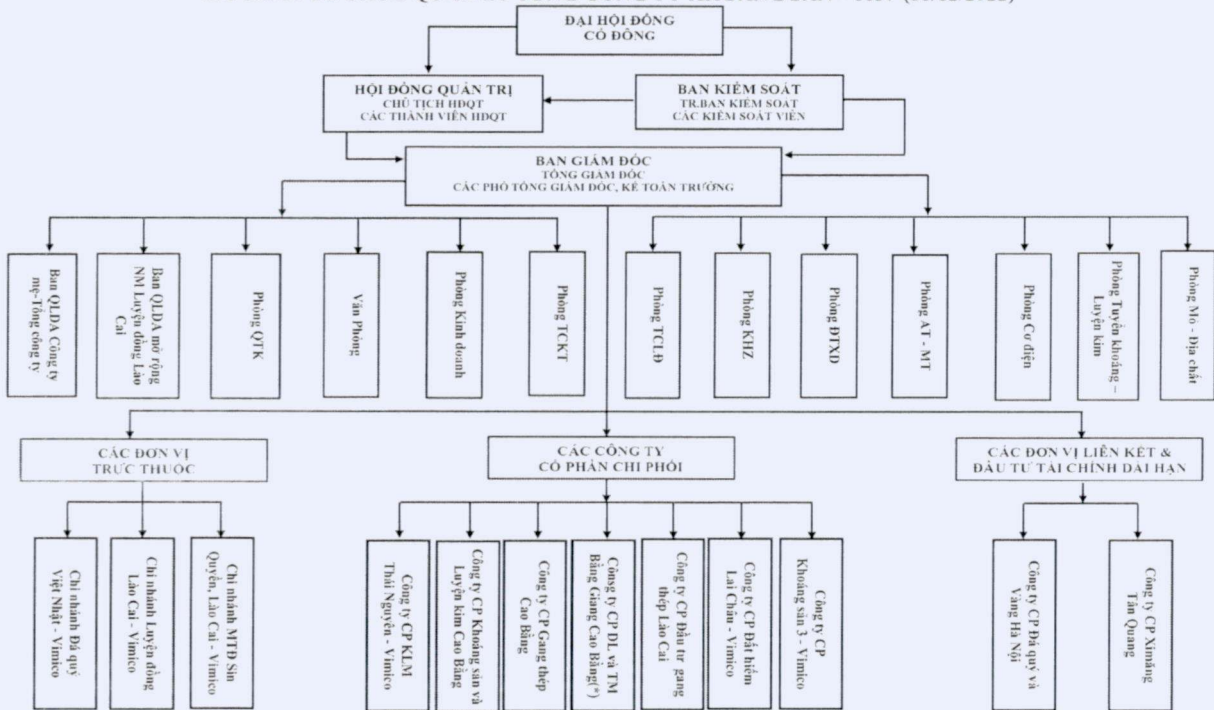
- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm 1.093 cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần tương đương 2.000 tỷ đồng bằng 100% vốn điều lệ.

- Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch và 04 thành viên. Trong đó, có 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 02 thành viên kiêm Phó

Tổng Giám đốc Tổng công ty.

- Ban kiểm soát: Gồm Trưởng ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên.
- Ban Giám đốc: 01 Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng.
- Phòng, Ban chức năng: 13 Phòng, Ban.
- Đơn vị trực thuộc: gồm 03 đơn vị.
- Công ty con cổ phần chi phối: 07 đơn vị.
- Đơn vị liên kết và đầu tư tài chính dài hạn: 02 đơn vị.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV (31/12/2022)



4.2. Tổ chức kinh doanh:

VIMICO là Công ty cổ phần được tổ chức sản xuất theo mô hình Công ty mẹ - công ty con, trong đó khâu sản xuất được thực hiện theo cơ chế khoán chi phí, tiêu thụ sản phẩm tập trung. Một số sản phẩm chủ yếu của công ty con (phôi thép của công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng, tinh quặng sắt của Công ty cổ phần Khoáng sản 3) được tiêu thụ thông qua công ty mẹ theo các hợp đồng mua bán giữa 3 bên: Tổng công ty - Công ty - Khách hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ. Các công ty con khi tham gia cơ chế phối hợp kinh doanh với Tổng công ty được hưởng các hỗ trợ về: an sinh xã hội, bố trí nguồn vốn sản xuất, quản lý kỹ thuật,...

4.3. Bộ máy quản lý:

- Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2020-2025). Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm

quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban kiểm soát: Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2020-2025). Ban kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tổng Giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh của nhóm công ty mẹ - công ty con theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là một thành viên trong HĐQT.

- Phó Tổng Giám đốc: Hiện nay có 05 Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

4.4. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết:

4.4.1. Các đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Mở tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - VIMICO: xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - VIMICO: thôn Tân Hồng, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - VIMICO: số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

4.4.2. Các công ty con:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn góp của Tổng
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Tổ 6, P.Phú Xá, TP Thái Nguyên	180.000	51,00%	91.800

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn góp của Tổng
2	CTCP Khoáng sản & Luyện Kim Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	Phố Kim Đồng, P. Hợp Giang, TP. Cao Bằng	80.000	51,89%	41.509
3	CTCP Gang thép Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	Km5, Đê Thám, TP. Cao Bằng	430.064	52,54%	225.954
4	CTCP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng	Khách sạn và vận tải hành khách	001 Kim Đồng, P. Hợp Giang, TP. Cao Bằng	18.000	51,31%	9.235
5	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Tổ 30, P.Đuyên Hải, TP Lào Cai	35.000	51,00%	17.850
6	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai-Vimico	Chế biến khoáng sản	Tân Hồng, Bản Qua, Bát Xát, Lào Cai	300.000	99,01%	35.455
7	CTCP Đất hiếm Lai Châu-Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Thị trấn Tam Đường, H.Tam Đường, Lai Châu	350.000	55,00%	135.112

4.4.3. Các công ty liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp
1	CTCP Đá Quý và Vàng Hà Nội	Kinh doanh vàng bạc, đá quý	91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	18.000	48,31%	8.696
2	CTCP Xi măng Tân Quang	Sản xuất Xi măng	Xóm 5, xã Trảng Đà, TP Tuyên Quang	350.000	13,71%	48.000

5. Định hướng phát triển của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2020-2025:

5.1. Mục tiêu phát triển:

Phát triển Tổng công ty trở thành doanh nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản kim loại màu hàng đầu Việt Nam; năng động, sáng tạo và có năng lực cạnh tranh cao, có tiềm lực tài chính tốt, SXKD hiệu quả, phát triển bền vững.

5.2. Định hướng mô hình tăng trưởng:

Từ quan điểm và mục tiêu nêu trên, mô hình tăng trưởng của Tổng công ty trong thời gian tới được xác định là: *“Phát triển ngành khoáng sản đồng bộ, tiên tiến, hiện đại với tốc độ tăng trưởng cao trên cơ sở đi đôi với phát triển theo chiều rộng tăng cường phát triển theo chiều sâu bằng cách áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường”* với các định hướng như sau:

- Tập trung khai thác và chế biến sâu các loại khoáng sản có trữ lượng lớn, chất lượng tốt mà trọng tâm là quặng đồng, quặng sắt, quặng kẽm chì, đất hiếm.

Mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở luyện kim hiện có, xây dựng một số cơ sở luyện kim mới với công nghệ hiện đại bên cạnh các mỏ khoáng sản công suất lớn hoặc tại các vùng tập trung các mỏ khoáng sản.

- Hình thành các tổ hợp hoặc trung tâm khai thác mỏ kim loại - luyện kim đồng bộ, công nghệ tiên tiến, hiện đại bao gồm cả công nghiệp phụ trợ có quy mô phù hợp với quy mô trữ lượng khoáng sản của từng cụm mỏ, vùng mỏ hoặc khu vực, nhất là ở vùng Việt Bắc, Tây Bắc.

5.3. Định hướng phát triển:

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là các sản phẩm đồng, sắt, kẽm, thiếc, các sản phẩm từ đất hiếm; ...

- Quan tâm phát triển ở quy mô hợp lý một số ngành, lĩnh vực liên quan đến ngành sản xuất chính như xây lắp công trình công nghiệp mỏ, tuyển, luyện kim; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí (chi tiết, cụm chi tiết, sản phẩm đồng bộ); sửa chữa trung, đại tu ô tô, thiết bị khai thác mỏ, thiết bị tuyển, luyện kim và các thiết bị cơ khí, động lực khác phục vụ hoạt động sản xuất chính; sản xuất các mặt hàng công nghiệp, dân dụng, hóa chất từ khoáng sản, kim loại; gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ từ sản phẩm khoáng sản và kim loại...

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phân đấu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế về các nguyên liệu khoáng và sản phẩm kim loại, nhất là các kim loại màu.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh lại cơ cấu vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn.

5.4. Chiến lược phát triển:

Trên cơ sở định vị phương hướng và mục tiêu phát triển, Tổng công ty thực hiện các biện pháp cụ thể bao gồm:

a. Phát triển tài nguyên và nguồn nguyên liệu:

Thực hiện mục tiêu chiến lược xuyên suốt của Vimico trong toàn Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam là “*Từ tài nguyên khoáng sản và nguồn nhân lực đi lên giàu mạnh*”.

Tiếp tục tập trung các nguồn lực đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các đề án thăm dò mở rộng khu mỏ đồng Sin Quyền, Vi Kẽm, khu vực Lũng Thàng thuộc huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Phối hợp với các đơn vị có liên quan sớm tiếp cận thông tin về kết quả điều tra đánh giá của Nhà nước đối với khoáng sản đồng và khoáng sản khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai và các tỉnh phía Bắc để có thêm thông tin, mức độ tin cậy lập các đề án thăm dò mới nhằm chuẩn bị đủ nguồn nguyên liệu cho các dự án trọng điểm của Vimico giai đoạn 2025 -2030.

Hiện tại, VIMICO và các đơn vị trong TKV đang tập trung triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoáng sản của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 phù hợp với dự thảo Quy hoạch

thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Công thương chủ trì thực hiện, xây dựng chiến lược phát triển tài nguyên cho từng loại khoáng sản như: đồng, kẽm - chì, sắt, thiếc và đất hiếm phù hợp với quy hoạch của Nhà nước và địa phương.

Điều phối, sử dụng hợp lý các nguồn lực về tài nguyên, thiết bị khai thác để tổ chức SXKD hoạt động khoáng sản đạt hiệu quả cao nhất.

b. Phát triển công nghệ (kỹ thuật mỏ địa chất - tuyển khoáng - luyện kim):

Triển khai toàn diện công tác quản lý kỹ thuật mỏ - địa chất gắn liền với việc ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, kết quả nghiên cứu của Đề tài KHCN trong việc đánh giá, dự báo tiềm năng khoáng sản làm tiền đề triển khai lập các đề án thăm dò đảm bảo mục tiêu, tiết giảm chi phí đầu tư thăm dò, khảo sát phát triển tài nguyên. Thực hiện công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng, sản lượng khai thác theo quy định của Nhà nước. Kiểm soát chặt chẽ các mặt quản lý hoạt động khoáng sản và tài nguyên nước, đảm bảo tuân thủ quy định.

Tăng cường nghiên cứu các giải pháp công nghệ để tận thu tối đa tài nguyên, khai thác triệt để các loại quặng nghèo, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo trong khai thác, tiết kiệm tài nguyên, điều phối hàm lượng quặng khai thác vào tuyển góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả SXKD. Thực hiện đảm bảo chỉ tiêu KTCN, nâng cao hiệu quả các công đoạn sản xuất bằng cách:

- Đầu tư duy trì và khai thác hiệu quả dây chuyền thiết bị khai thác mỏ, ưu tiên sử dụng các đồng bộ thiết bị cỡ lớn để nâng cao năng lực sản xuất, giảm chi phí để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Triển khai công tác khoan nổ mìn tạo biên nhằm nâng cao góc dốc sườn tầng, bờ mỏ, giảm ảnh hưởng đến sự ổn định bờ mỏ nhằm tăng khả năng khai thác xuống sâu tại các moong khai thác; cải tạo các thông số HTKT để đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả hiệu quả.

- Ứng dụng CNTT trong điều hành sản xuất, các công nghệ mới trong phân tích đánh giá chất lượng quặng trên khai trường để thực hiện tốt công tác phối trộn, trung hòa quặng nguyên khai, điều hành hiệu quả kịp thời.

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong khai thác hầm lò: Nâng cao hệ số sử dụng lỗ khoan, áp dụng phương pháp nổ mìn tạo biên từng bước giảm hệ số thừa tiết diện và tăng độ ổn định đá vây quanh đường lò, buồng khai thác, tăng tỉ lệ thu hồi quặng.

- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư nâng cấp, hoàn thiện công nghệ và thiết bị các nhà tuyển khoáng hiện tại; nghiên cứu bổ sung công nghệ, thiết bị để thu hồi tinh quặng sắt tại các bãi thải quặng đuôi; nghiên cứu công nghệ để có thể thu hồi triệt để các khoáng vật đi kèm; nâng cao thực thu và chất lượng sản phẩm; nghiên cứu giải pháp giảm các chỉ tiêu tiêu hao; Tiếp tục đầu tư hoàn thiện và nâng cấp các phòng phân tích tại các cơ sở sản xuất của Tổng công ty. Bổ sung nhân lực có chất lượng cho đội ngũ CBCNV làm công tác KCS.

- Cung cấp đủ nguyên nhiên vật liệu để sản xuất ổn định ở các nhà máy luyện kim, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Triệt để thu hồi khí than để sản xuất vôi, tận thu kim loại sắt trong xỉ lò luyện, tăng cường phun than antraxit tại lò

cao, nâng cao chất lượng nguyên liệu và vận hành để giảm tiêu hao than cốc và các chi phí, nâng cao hiệu quả. Đẩy mạnh cải tạo nâng cao chất lượng sản phẩm nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên cùng với việc cải tiến công nghệ hòa tách từ thủy luyện toàn phần sang công nghệ bán thủy luyện để nâng cao thực thu, giảm bã thải, thu hồi khoáng vật có ích, cải thiện tốt môi trường.

c. Chiến lược phát triển công tác cơ điện:

- Chú trọng công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao năng lực thiết bị huy động vào sản xuất. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sửa chữa bảo dưỡng/hoàn cải/đầu tư mới góp phần tăng cường hiệu suất sử dụng thiết bị; cũng như tiếp tục thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

- Tăng cường triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng TĐT thiết bị nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả và đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2023. Kiểm soát việc thực hiện tốt các định mức đã ban hành kịp thời điều chỉnh, xây dựng các định mức mới phù hợp thực tế. Chú trọng việc phục hồi, sử dụng vật tư phụ tùng tái chế; Triển khai các chương trình thử nghiệm, ứng dụng các giải pháp tiến bộ khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong hoạt động sản xuất nhằm gia tăng năng lực thiết bị, nâng cao chất lượng vật tư, phụ tùng góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Từng bước triển khai số hóa/THH, TĐH trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm thích ứng với sự phát triển của cuộc CMCN 4.0 và đáp ứng các yêu cầu cần phải để triển khai công tác chuyển đổi số theo chỉ đạo của Tập đoàn TKV; Xây dựng đề án chuyển đổi số của Tổng công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030. Đồng thời chú trọng triển khai ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác số hóa quy trình, phân tích dữ liệu đối với các chuyên ngành trọng điểm để phục vụ công tác điều hành các hoạt động SXKD của Tổng công ty và thực hiện tập trung thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa với công đoạn khai thác hầm lò.

d. Nâng cao năng lực quản lý:

- Công tác kế toán thống kê:

+ Tiếp tục thực hiện Chế độ kế toán doanh nghiệp của Việt Nam.

+ Mô hình kế toán: Phân tán kết hợp tập trung tùy thuộc quy mô và đặc thù của từng đơn vị. Đối với CTCP - Công ty mẹ, thực hiện hạch toán phụ thuộc tại các chi nhánh, tổng hợp kết quả SXKD toàn Tổng công ty. Vốn kinh doanh hạch toán tập trung tại Văn phòng Tổng công ty, các chi nhánh được giao quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản và nhận nợ với Văn phòng Tổng công ty.

+ Triển khai ứng dụng CNTT để phục vụ tổng hợp quyết toán toàn Tổng công ty và hợp nhất báo cáo quyết toán, trên cơ sở đó, phát triển ứng dụng vào công tác thống kê và khoán, quản trị chi phí.

- Công tác tài chính:

+ Tiếp tục tập trung dòng tiền bán hàng trên cơ sở áp dụng mô hình tiêu thụ tập trung tại Công ty mẹ (Công ty cổ phần) thông qua Hợp đồng phối hợp kinh doanh hàng năm. Duy trì việc Công ty mẹ - Công ty CP thu xếp vốn lưu động bằng việc thanh toán/ứng tiền để các đơn vị sản xuất và sau đó giao nộp sản phẩm. Vốn đầu tư thu xếp tập trung tại Công ty mẹ - Tổng công ty, các chi nhánh

thực hiện khi có phân cấp, uỷ quyền của Công ty mẹ - Tổng công ty.

+ Tái cấu trúc các khoản vay theo biến động của thị trường và sử dụng linh hoạt các sản phẩm dịch vụ tài chính của các tổ chức tín dụng nhằm giảm thiểu chi phí tài chính hàng năm, tiết kiệm chi phí đầu tư.

e. Nâng cao nguồn nhân lực:

Theo chiến lược phát triển và để đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty, mục tiêu và yêu cầu về đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng lao động của Tổng công ty như sau:

- Mục tiêu và yêu cầu về cơ cấu lao động:

+ Mục tiêu lao động quản lý của toàn Tổng công ty đến hết năm 2025 không quá 13% so với tổng số lao động.

+ Kiểm soát và có chính sách hợp lý về cơ cấu ngành nghề để ổn định và phát triển về cả số lượng và chất lượng phù hợp với quy mô phát triển từng năm của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật các ngành nghề; lao động kỹ thuật của các ngành chủ lực của Tổng công ty như luyện kim, chế tác kim loại, tuyển khoáng, khai thác mỏ, kỹ thuật sửa chữa các thiết bị cơ điện.

- Yêu cầu về kỹ năng, trình độ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật:

+ Yêu cầu đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật: Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của Tổng công ty phải đáp ứng được yêu cầu về trình độ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ lý luận chính trị và trình độ quản lý doanh nghiệp. Ngoài ra, cần phải có kinh nghiệm thực tế tại các cơ sở sản xuất trong Tổng công ty và có kỹ năng làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo.

+ Yêu cầu đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật (CNKT): Đội ngũ CNKT phải được đào tạo bài bản tại các hệ thống trường đào tạo CNKT của Nhà nước và các trường đào tạo trong hệ thống đào tạo của TKV. Một số đối tượng lao động có yêu cầu cao cần được đào tạo bổ sung thực tế tại các cơ sở sản xuất trong và/hoặc ngoài nước để nâng cao tay nghề và kinh nghiệm trước khi đưa vào sản xuất. Lao động kỹ thuật phải nắm vững cơ sở lý thuyết và khả năng thực hiện các công việc thực tế cao, thuần thục các kỹ thuật công nghệ hiện đang được sử dụng trong sản xuất và phát triển trong những năm tới của Tổng công ty.

- Đối với công tác tổ chức, quản lý: Tiếp tục sắp xếp lại tổ chức tại các đơn vị thành viên, giảm các đầu mối quản lý trung gian để đổi mới cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp, nâng cao hiệu quả điều hành. Đồng thời, tiếp tục tái cơ cấu các mặt quản trị nội bộ của Tổng công ty. Tiếp tục rà soát đổi mới cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động tại các đơn vị đặc biệt là tại một số đơn vị có số lao động lớn, cơ cấu lao động phức tạp.

- Đối với công tác tuyển dụng và quản lý sử dụng lao động: Thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng lao động theo Quy chế tuyển dụng và sử dụng Người lao động Tổng công ty Khoáng sản – TKV. Tiếp nhận, sử dụng, bố trí lao động đúng ngành nghề đào tạo để phát huy sở trường và kinh nghiệm làm việc. Tạo những cơ hội tốt về thu nhập và khả năng phát triển. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động. Cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và thực hiện

chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, tay nghề cao đặc biệt là đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, đối tượng lao động có nguyện vọng gắn bó lâu dài với đơn vị...

- Đối với công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực: Tiếp tục thực hiện đánh giá hiệu quả công việc (theo KPI) tại Cơ quan Tổng công ty và triển khai nhân rộng tới các đơn vị thành viên. Hàng năm xây dựng chương trình Đào tạo cho CBQL, CMNV và CNKT đáp ứng yêu cầu sử dụng, nâng cao kỹ năng làm việc của CNV và đội ngũ CNKT trong Tổng công ty. Có kế hoạch luân chuyển để đào tạo nâng cao năng lực quản lý trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ ở đơn vị sản xuất trực tiếp. Đào tạo đủ số lượng và đảm bảo chất lượng nhằm cung cấp lao động cho các dự án của Tổng công ty hoàn thành và đi vào sản xuất giai đoạn 2021-2025, trong quá trình đào tạo và sử dụng lao động, chú trọng và ưu tiên sử dụng lao động địa phương.

6. Các rủi ro và quản trị rủi ro:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty Khoáng sản - TKV chịu tác động của những rủi ro sau:

6.1. Rủi ro bên ngoài:

6.1.1. Rủi ro về kinh tế:

- Tổng công ty có các giao dịch mua, bán trong và ngoài nước, có thông qua, sử dụng thanh toán bằng ngoại tệ (USD, CNY..) Do đó, bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Vì vậy, sự phát triển của nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam, tạo nên sức cầu quan trọng đối với ngành khoáng sản. Tuy nhiên, các mặt hàng của Việt Nam chiếm một tỷ trọng nhỏ so với thế giới, do đó giá bán của các sản phẩm này phụ thuộc nhiều vào mặt bằng chung của thế giới. Nên, khi nền kinh tế toàn cầu suy thoái, giá bán các sản phẩm khoáng sản giảm, dẫn đến ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến sự phát triển của Tổng công ty

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế, Tổng công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế, để từ đó lập kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với yêu cầu tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Tổng công ty còn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhằm gia tăng lợi nhuận của các lĩnh vực kinh doanh truyền thống và một số lĩnh vực kinh doanh khác.

- Lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Tổng công ty luôn phải theo dõi và cập nhật hàng ngày để đưa ra chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng đồng thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình SXKD của các doanh nghiệp. Chính vì vậy, khi lãi suất biến động sẽ có ảnh hưởng nhất định đến tình hình hoạt động của Tổng công ty.

Để quản trị rủi ro về lãi suất, hạn chế tối đa tác động của lãi suất lên hoạt động SXKD, Tổng công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vay vốn từ Ngân hàng, sử dụng linh hoạt các sản phẩm tín dụng và thay bằng các nguồn khác có chi phí thấp hơn.

6.1.2. Rủi ro pháp lý:

- Hệ thống pháp luật của nước ta liên quan đến hoạt động kinh doanh và khai thác khoáng sản còn chưa đồng bộ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Các chính sách của Chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Nhà nước thu tiền sử dụng tài liệu địa chất, tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ, đầu tư... và các loại thuế, phí tăng cao đã và đang làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, thời hạn khai thác các mỏ của VIMICO phụ thuộc vào chính sách quản lý, khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thời hạn xin cấp phép khai thác mỏ thường kéo dài và là một rủi ro trong hoạt động của Tổng công ty.

6.2. Rủi ro nội tại doanh nghiệp:

6.2.1. Rủi ro về đất đai:

- Hiện nay, VIMICO đang được Nhà nước giao quản lý, sử dụng diện tích đất hơn 6,987 triệu m² trải rộng trên địa bàn Lào Cai, Hà Nội và đang tiếp tục thực hiện các thủ tục thuê thêm diện tích đất lớn chủ yếu trên địa bàn Lào Cai để phục vụ cho công tác SXKD. Việc quản lý, sử dụng và xin cấp mới những diện tích đất trên có thể phát sinh những rủi ro, khó khăn không lường trước được như:

- Rủi ro trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng: Đây là công tác phức tạp và có thể phát sinh nhiều vướng mắc làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án cũng như công tác sản xuất của VIMICO.

- Chính sách về quản lý đất đai: Thường xuyên có những biến động, việc cập nhật và áp dụng các chính sách về đất đai có thể phát sinh các chi phí làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, đầu tư: tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

6.2.2. Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên:

Ngành khoáng sản có đặc thù là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí chìm (sunk cost) sẽ là rất lớn. Mặc dù các công ty khai khoáng đều thực hiện những nghiên cứu, khảo sát và đánh giá về điều kiện địa chất mỏ. Tuy nhiên, những nghiên cứu này không thể lường trước hết những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá không chính xác về địa chất và về trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của Vimico.

6.2.3. Rủi ro đặc thù khai thác, chế biến:

Do đặc thù ngành khai khoáng hoạt động gắn chặt với lòng đất, trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt, rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường... dẫn tới việc phải tăng các chi phí hoạt động hoặc thậm chí bị rút giấy phép khai thác mỏ.

6.2.4. *Rủi ro về tiêu thụ sản phẩm:*

Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty được xây dựng dựa vào một phần công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm trong năm tới. Do đó, giá cả của các sản phẩm như: đồng, vàng, bạc, kẽm thỏi, phôi thép, tinh quặng sắt... đều chịu áp lực do biến động giá cả của thị trường trong nước và thế giới. Vì vậy, mọi chính sách kinh tế, đối ngoại đều có tác động đến giá thành sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2022 trong điều kiện phải đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức: ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu; xung đột chiến tranh Nga - Ucraina ảnh hưởng lớn đến kinh tế thế giới và trong nước: giá cả vật tư, hóa chất, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng cao, làm tăng chi phí giá thành sản xuất.

Công tác đền bù giải phóng mặt bằng chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án khác như: mỏ đồng Vi Kẽm, mỏ thiếc Tây Nam Núi Pháo và một số gói thầu của Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền. Tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ giảm do chủ yếu là khai thác tận thu, nạo vét (thiếc, chì kẽm, khu Nam sắt Nà Rạ). Mỏ đồng Sin Quyền, khai thác xuống sâu, cung độ kéo dài, chiều cao nâng tải lớn, ảnh hưởng đến công tác vận tải và giá thành khai thác.

Công tác xin cấp, gia hạn giấy phép khai thác mỏ và hoàn thiện các thủ tục khác gặp nhiều khó khăn, kéo dài ảnh hưởng đến khả năng cung cấp nguyên liệu trong dài hạn. Một số mỏ đã được cấp phép nhưng chưa đủ điều kiện để khai thác do khó khăn về thị trường, công nghệ chế biến, thu xếp tài chính (mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, mỏ đất hiếm Đông Pao).

Bên cạnh các khó khăn, thách thức, Tổng công ty luôn nhận được sự chỉ đạo sâu sát của TKV, Đảng ủy, HĐQT Tổng công ty; nhận được sự đồng thuận, đoàn kết, nỗ lực của tập thể người lao động. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD năm 2022 như sau:

1.1. Các chỉ tiêu về giá trị:

- Tổng doanh thu :

* *Công ty mẹ - Tổng công ty:* 11.800 tỷ đồng/7.191 tỷ đồng, bằng 164,09% KHN và bằng 148,98% so với năm 2021 (Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 10.658 tỷ đồng/ 7.121 tỷ đồng KH, đạt 149,67% KHN và bằng 164,17% so với năm 2021).

* *Hợp nhất toàn Tcty:* 12.284 tỷ đồng/11.712 tỷ đồng, bằng 104,88% KHN và bằng 153,37% so với năm 2021 (Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 12.070 tỷ đồng/11.626 tỷ đồng KH, đạt 103,82% KHN và bằng 154,17% so với năm 2021).

- Lợi nhuận trước thuế:

+ *Công ty mẹ:* 57,557 tỷ đồng/180 tỷ đồng KH điều chỉnh, đạt 31,97%KH. (Nguyên nhân lợi nhuận đạt thấp do trong kỳ bổ sung chi phí bút toán điều chỉnh theo kết luận của KTNN tăng chi phí 168 tỷ đồng làm giảm lợi nhuận so với kế

hoạch điều chỉnh; giá nhiên liệu và một số vật tư tăng cao;...).

+ *Hợp nhất toàn TCT*: : đạt 247,173/300 tỷ đồng KH ĐC, bằng 82,39% so với KH điều chỉnh.

- Tổng số lao động:

+ *Công ty mẹ*: 2.635 người.

+ *Toàn Tổng công ty*: 5.091 người, đạt 99,03 % KH năm và bằng 110,24 % so với thực hiện năm 2021

- Thu nhập bình quân:

+ *Công ty mẹ*: 16,212 triệu đồng/người/tháng.

+ *Toàn Tổng công ty*: 13,822 triệu đồng/người/tháng, bằng 105,84 % KH năm và bằng 101,17 % so với thực hiện năm 2021.

- **Nộp ngân sách**: đạt 1.428,055 tỷ đồng, tăng 193 tỷ đồng so với năm 2021. Trong đó: Công ty mẹ: 1.016 tỷ đồng.

1.2. Các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất - tiêu thụ:

TT	Sản phẩm	ĐVT	KH 2022 (điều chỉnh)	TH cả năm 2022	Tỷ lệ (%)	
					So với TH năm 2021	So với KH
I	Thành phẩm sản xuất					
1	Tinh quặng đồng (25% Cu)	Tấn	71.516	71.268	105,73	99,65
-	<i>Nhà máy 1</i>	"	33.798	35.227	113,03	104,23
-	<i>Nhà máy 2</i>	"	37.718	36.041	99,46	95,55
2	Đồng cathode	Tấn	30.000	30.742	168,76	102,47
-	<i>Luyện đồng I</i>	"	12.000	13.312	97,98	110,93
-	<i>Luyện đồng II</i>	"	18.000	17.430	376,51	95,74
3	Tinh quặng sắt 60% Fe	Tấn	192.192	195.674	99,95	101,81
-	<i>Mỏ tuyển</i>	"	126.567	130.308	101,26	102,96
-	<i>Kíp Tước</i>	"	65.625	65.366	97,43	99,61
4	Kẽm thỏi	Tấn	10.850	11.337	90,70	104,49
5	Vàng	Kg	1.027	1.114	167,15	108,46
-	<i>Luyện đồng</i>	"	1.025	1.112	167,46	108,46
-	<i>Vàng sa khoáng (KSLKCB)</i>	"	2,0	2,13	85,08	106,45
6	Bạc thỏi	Kg	1.425	1.451	216,45	101,80
7	Phôi thép	Tấn	140.535	145.006	72,50	103,18
8	Axit sulfuric	Tấn	122.435	129.378	125,65	105,67
-	<i>Luyện đồng</i>	"	107.600	112.910	132,48	104,93
-	<i>KLM Thái Nguyên</i>	"	14.835	16.468	92,85	111,01
II	Tiêu thụ					
1	Đồng cathode	Tấn	33.000	33.887	259,78	102,69
2	Kẽm thỏi	Tấn	11.000	11.597	95,56	105,43
3	Thiếc thỏi 99,75%Sn	Tấn	142	151	115,84	106,24
4	Phôi thép	Tấn	147.481	140.311	70,94	95,14
5	Tinh quặng sắt ~ 60% Fe	Tấn	199.000	172.558	101,29	86,71
-	<i>Mỏ tuyển</i>	<i>tấn</i>	120.000	106.203	88,70	88,50
-	<i>Kíp Tước</i>	<i>tấn</i>	79.000	66.355	131,07	83,99
6	Vàng thỏi	Kg	1.002	1.143	189,43	114,12
-	<i>Luyện đồng</i>	<i>Kg</i>	1.000	1.141	189,87	114,13
-	<i>Vàng sa khoáng (KSLKCB)</i>	<i>Kg</i>	2	2,13	85,12	106,45

TT	Sản phẩm	ĐVT	KH 2022 (điều chỉnh)	TH cả năm 2022	Tỷ lệ (%)	
					So với TH năm 2021	So với KH
7	Bạc thỏi	Kg	1.100	1.503	224,34	136,63
8	Axit sulfuric	Tấn	114.835	124.164	140,75	108,12
-	Luyện đồng	tấn	100.000	110.390	152,33	110,39
-	<i>KLM TÀI NGUYÊN</i>	tấn	14.835	13.774	87,48	92,85

1.3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19 vẫn diễn biến hết sức phức tạp các tháng đầu năm 2022, ảnh hưởng đến công tác di chuyển điều hành, công tác tổ chức sản xuất, cung ứng vật tư, thiết bị và các dự án đầu tư của Tổng công ty. Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch tiếp tục bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, chính sách Zero Covid của Trung Quốc ảnh hưởng trực tiếp đến việc nhập khẩu nguyên liệu cho sản xuất của các Nhà máy, nguy cơ gián đoạn sản xuất.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án (mỏ Vi Kẽm) và ảnh hưởng đến phương hướng công trường, giá thành sản xuất (mỏ Sin Quyền); tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ giảm do chủ yếu là khai thác tận thu, nạo vét (các mỏ thiếc); chi phí đền bù lớn, giá thành sản xuất cao hơn nhiều so với giá bán nên chưa triển khai hoặc phải dừng khai thác (khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ; mỏ sắt Nà Lũng...) làm thiếu nguồn nguyên liệu cung cấp cho sản xuất.

- Mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch covid-19, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, ...trong năm đã hoàn thành công tác đầu tư dự án trọng điểm của Tổng công ty là Dự án “Mở rộng nâng công suất NM luyện đồng Lào Cai công suất 20.000 tấn/năm”, dự án đã chạy thử thành công và đưa vào vận hành thương mại đạt công suất theo thiết kế. Hoàn thành một số dự án duy trì sản xuất để duy trì và nâng cao năng lực sản xuất như: Dự án “Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2021 - Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai”, Dự án “Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2022 - Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai” (hoàn thành phần lớn của Dự án), Dự án “Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2021 - Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai” (hoàn thành phần lớn của Dự án), Dự án “Đầu tư hệ thống mạng nội bộ Nhà máy luyện 2”, Dự án “Đầu tư hệ thống thoát nước khai trường khu Tây và cải tạo, sửa chữa, xây dựng bổ sung hoàn thiện hệ thống PCCC Nhà máy Tuyển khoáng 1, Phân xưởng Khai thác, Vận tải, Cơ điện” và một số dự án đầu tư duy trì khác...

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Hội đồng quản trị:

2.1.1. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT

+ Năm sinh: 1968

+ Trình độ: Kỹ sư Khai thác mỏ;

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Hải bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1998; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc Phân xưởng, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản), Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Khoáng sản. Ông Nguyễn Văn Hải được bầu giữ chức vụ Thành viên chuyên

trách HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 10/2015; ngày 15/5/2019 được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay ông Vũ Văn Long; ngày 25/3/2020 tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Trưởng Ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học MT - Vinacomin; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đồng Tà Phời - Vinacomin; Chủ tịch Công ty TNHH Vinacomin - Lào; Chủ tịch Công ty liên doanh Alumina (Campuchia-Việt Nam).

2.1.2. Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

+ Năm sinh: 1972

+ Trình độ: Kỹ sư điện khí hóa - Cung cấp điện

+ Quá trình công tác: Ông Trịnh Văn Tuệ bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1992; từng giữ các chức vụ Đốc công, Phó Quản đốc/Quản đốc Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai; Phó Giám đốc/Giám đốc Công ty Luyện đồng Lào Cai (02 đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản); Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 8/2015; Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020 từ tháng 9/2016. Ngày 16/3/2018, ông Tuệ được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Ngày 25/3/2020, ông Tuệ tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

2.1.3. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên chuyên trách HĐQT:

+ Năm sinh: 1967

+ Trình độ: Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên, Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: Ông Đặng Đức Hưng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2007; từng giữ các chức vụ Phó phòng/Trưởng phòng Mỏ địa chất Tổng công ty. Ông Đặng Đức Hưng được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 11/2015. Ngày 16/3/2018, ông Hưng được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Ngày 25/3/2020, ông Hưng tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025; ngày 02/4/2020, ông Đặng Đức Hưng được thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc để giao nhiệm vụ Thành viên chuyên trách HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.

2.1.4. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

+ Năm sinh: 1973

+ Trình độ: Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: Ông Ngô Quốc Trung bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2010; từng giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản từ 2010 đến 2018; Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020. Ông Trung được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 7/2018 đến nay. Ngày 25/3/2020 tiếp tục được bầu làm Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico.

2.1.5. Ông Bùi Tiến Hải - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

+ Năm sinh: 1976

+ Trình độ: Thạc sỹ Tuyển khoáng

+ Quá trình công tác: Ông Bùi Tiến Hải bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2008, từng giữ chức vụ Phó phòng Tuyển khoáng Tổng công ty Khoáng sản; từ tháng 6/2014-4/2019 là Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV KLM Bắc Kạn, kiêm Bí thư Đảng ủy Công ty (8/2015). Ông Bùi Tiến Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 5/2019 đến nay. Ngày 25/3/2020, ông Hải được bầu là Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Gang thép Cao Bằng, Công ty cổ phần Khoáng sản 3.

2.2. Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên.

2.2.1. Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát:

+ Năm sinh: 1972

+ Trình độ: Cử nhân Tài chính kế toán

+ Quá trình công tác: Ông Lương Văn Lĩnh bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2009, từng giữ chức vụ Phó phòng Tài chính kế toán Tổng công ty; Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020. Ông Lương Văn Lĩnh tiếp tục được bầu giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025

2.2.2. Ông Phạm Xuân Phong - Thành viên Ban kiểm soát

+ Năm sinh: 1964

+ Trình độ: Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: hiện là Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Ông Phạm Xuân Phong đã từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kế toán tổng hợp Ban Kế toán - Tập đoàn TKV, thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2017-2020. Ông Phạm Xuân Phong tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 25/3/2020.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Than Miền Trung - TKV; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Thiết Bị Điện Cẩm Phả; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Cơ Khí Hòn Gai - Vinacomin;

2.2.3. Ông Nguyễn Nam Hưng - Thành viên Ban Kiểm soát:

+ Năm sinh: 1978

+ Trình độ: Kỹ sư cơ điện

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Nam Hưng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2007; từng giữ các chức vụ Phó Trưởng ban QLDA MRNCS Nhà máy luyện đồng, Phó trưởng phòng Cơ điện Tổng công ty. Từ tháng 02/2019 đến nay giữ chức vụ Trưởng phòng Cơ điện Tổng công ty. Ông Nguyễn Nam Hưng được bầu là Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 25/3/2020.

2.3. Ban Giám đốc: Gồm Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc và 01

Kế toán trưởng.

2.3.1. Ông Trịnh Văn Tuệ - Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT

2.3.2. Ông Đào Minh Sơn - Phó Tổng Giám đốc:

+ Năm sinh: 1963

+ Trình độ: Kỹ sư máy và thiết bị mỏ

+ Quá trình công tác: Ông Đào Minh Sơn bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1987; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc XN Thiếc Bắc Lũng - Tuyên Quang, Đốc công, Phó Giám đốc, Giám đốc XN liên doanh đồng Lào Cai, Phó Ban QLDA Tổ hợp đồng Sin Quyền, Phó Phòng/Trưởng phòng Cơ điện, Trưởng phòng TCCB&ĐT Tổng công ty Khoáng sản. Ông Đào Minh Sơn được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 8/2015. Ngày 06/10/2020 được bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP KLM Thái Nguyên-Vimico.

2.3.3. Ông Bùi Tiến Hải - Phó Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT

2.3.4. Ông Ngô Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT

2.3.5. Ông Lý Xuân Tuyên - Phó Tổng giám đốc

+ Năm sinh: 1980

+ Trình độ: Kỹ sư Tuyển khoáng

+ Quá trình công tác: Ông Lý Xuân Tuyên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2005; Từ tháng 07/2009 đến tháng 05/2010 Quản đốc PX Tuyển khoáng kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Tháng 8/2013 đến 11/2019: Giám đốc Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico. Ông Lý Xuân Tuyên được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ ngày 05/11/2019.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

2.3.6. Ông Lê Tuấn Ngọc

+ Năm sinh: 1970

+ Trình độ: Thạc sĩ kinh tế QTKD; Kỹ sư Khai thác mỏ

+ Quá trình công tác: Ông Lê Tuấn Ngọc bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2001; Từ tháng 10/2011-3/2012 Phó phòng, Phụ trách phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản-Vinacomin; Tháng 4/2012 – 22/02/2021: Trưởng phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản-TKV, Bí thư Chi bộ Mỏ địa chất – An toàn môi trường. Ông Lê Tuấn Ngọc được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ ngày 23/02/2021.

2.3.7. Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng:

+ Năm sinh: 1981

+ Trình độ: Kỹ sư Kế toán doanh nghiệp

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Viên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2009; từng giữ các chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Kế toán trưởng Công ty Cổ

phần Gang thép Cao Bằng. Ông Nguyễn Văn Viên được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 7/2018.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch và thương mại Bằng Giang.

* Năm 2022, Vimico không có sự thay đổi trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

2.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cán bộ quản lý:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ		Tỷ lệ % (tổng số CP)
			Ủy quyền	Sở hữu	
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	196.117.900	10.000	98,0639
2	Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT, TGD	0	15.200	0,00760
3	Đặng Đức Hưng	Thành viên chuyên trách HĐQT	0	3.000	0,00150
4	Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT, Phó TGD	0	5.100	0,00250
5	Bùi Tiến Hải	Thành viên HĐQT, Phó TGD	0	5.000	0,00250
II	Ban kiểm soát				
1	Lương Văn Lĩnh	Trưởng Ban kiểm soát	0	1.000	0,00050
2	Phạm Xuân Phong	Kiểm soát viên	0	0	0
3	Nguyễn Nam Hưng	Kiểm soát viên	0	1.000	0,00050
III	Ban Điều hành				
1	Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT, TGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
2	Đào Minh Sơn	Phó TGD	0	13.400	0,00670
3	Bùi Tiến Hải	TV. HĐQT, PTGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
4	Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
5	Lý Xuân Tuyên	Phó TGD	0	18.000	0,00900
6	Lê Tuấn Ngọc	Phó TGD	0	0	0
7	Nguyễn Văn Viên	Kế toán trưởng	0	800	0,00040

2.5. Số lượng CBCNV, chính sách và thay đổi chính sách đối với NLD:

2.5.1. Số lượng CBCNV:

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng số CBCNV toàn Tổng công ty (bao gồm các Công ty con) là 5.008 người. Tổng số lao động trong khối Công ty mẹ - Tổng công ty là 2.534 người. Cơ cấu, chất lượng lao động như sau:

- Theo giới tính: Nam 3.985 người chiếm 79,57%; nữ 1.023 người chiếm 20,43% (trong đó khối Công ty mẹ: nam 2.071 người chiếm 81,73%; nữ 463 người chiếm 18,27%)

- Theo trình độ: Tiến sỹ, thạc sỹ 77 người 1,54%; Kỹ sư, cử nhân 988 người chiếm 19,73%; Cao đẳng 356 người chiếm 7,11%; Trung cấp 1.060 người chiếm 21,17%; CNKT 2.527 người chiếm 50,46% (Trong đó Công ty mẹ: Tiến

sỹ, thạc sỹ 33 người chiếm 1,30%; Kỹ sư, cử nhân 561 người chiếm 22,14%; Cao đẳng 261 người chiếm 10,31%; Trung cấp 479 người chiếm 18,90%; CNKT 1.200 người chiếm 47,36%).

2.5.2. Chính sách đối với lao động:

Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động, đồng thời tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Các chính sách, chế độ đãi ngộ với người lao động đang được thực hiện tại Vimico như sau:

- Được xếp lương, nâng bậc, nâng ngạch theo đúng quy định; được tham gia BHXH, BHYT, BHTN... và giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước; được hưởng các chế độ trợ cấp khi nghỉ việc theo đúng quy định (trợ cấp thôi việc, mất việc làm).

- Được thực hiện đầy đủ chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi (nghỉ phép, nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ tết, nghỉ việc riêng hoặc làm thêm giờ...).

- Được xem xét, đề nghị các cấp khen thưởng khi có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc có thành tích đột xuất.

- Được xem xét cử tham gia các lớp bồi dưỡng, khóa tập huấn, đào tạo, hội thảo theo yêu cầu công việc nhằm nâng cao khả năng quản trị kinh doanh, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị.

- Được đảm bảo việc làm và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển sự nghiệp.

- Được tham gia các tổ chức Đoàn thể của Vimico

- Được cấp phát đồng phục, trang bị phương tiện làm việc.

- Được tổ chức Công đoàn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần: khám sức khỏe định kỳ, thăm quan nghỉ mát, thăm hỏi khi ốm đau, hiếu hỷ,...

- Đối với người lao động tay nghề cao được hưởng chính sách bảo hiểm nhân thọ theo quy định của Tổng công ty.

- Được tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể quần chúng giúp đỡ, tạo điều kiện phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng nếu có nguyện vọng.

2.5.3. Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Hàng năm tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn cho CBCNV nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ quản lý, người lao động.

- Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 1093/QĐ-VIMICO ngày 09/11/2022 Quyết định về việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - TKV, thay thế Quyết định số 296/QĐ-VIMICO ngày 06/4/2020 Quyết định về việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các Dự án:

3.1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2022:

3.1.1. Công ty mẹ - Tổng công ty: Thực hiện giá trị khối lượng ĐTXD năm 2022: 941.935 triệu đồng.

3.1.2. Toàn Tổng công ty: Thực hiện giá trị khối lượng ĐTXD năm 2022: 995.304 triệu đồng.

(Chi tiết như biểu 01 thực hiện ĐTXD Công ty mẹ - Tổng công ty).

3.2. Tình hình thực hiện các dự án năm 2022 của Công ty mẹ:

a. Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyến đồng Sin Quyền, Lào Cai (Nhóm A):

- Tổng mức đầu tư: 2.564.739 triệu đồng (QĐ số 295/QĐ-HDTV ngày 29/4/2016).

- Giá trị khối lượng thực hiện: Giá trị thực hiện năm 2022: 0 triệu đồng; Lũy kế thực hiện đến 31/12/2022: 2.299.658 triệu đồng (tương đương 90 % tổng mức đầu tư được phê duyệt).

- Giải ngân: Lũy kế giải ngân đến 31/12/2022: 2.257.943 triệu đồng (tương đương 98,2% tổng giá trị khối lượng đã thực hiện).

Đến nay, dự án đã hoàn thành xây dựng, lắp đặt, đưa vào sử dụng tất cả các hạng mục công trình chính. Tuy nhiên, một số hạng mục triển khai chậm không đảm bảo tiến độ. Một số hạng mục/gói thầu phải dừng triển khai thực hiện như gói thầu số 41 “Nắn suối Nậm Chỏn + Xây dựng cầu qua đoạn nắn suối Nậm Chỏn”; gói thầu số 61 “Xây dựng khu tái định cư số 1 xã Cốc Mỹ, huyện Bát Xát”; một số hạng mục công trình của gói thầu số 43 “Xây dựng bãi thải quặng đuôi giai đoạn 2”. Nguyên nhân bị kéo dài tiến độ, phải dừng triển khai: công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gặp nhiều khó khăn vướng mắc của địa phương trong công tác quyết định thu hồi đất, thống kê đền bù (Vướng mắc trong xác định nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất, một số hộ dân còn làm nhà trên đất nông nghiệp; Người dân không hợp tác và một số hộ yêu cầu chi phí đền bù không phù hợp chế độ chính sách). Hiện tại, Dự án đang triển khai thực hiện một số công việc liên quan để sớm kết thúc gian đoạn thực hiện đầu tư đưa dự án quyết toán hoàn thành.

b. Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai (Nhóm A):

- Tổng mức đầu tư: 3.927.534 triệu đồng (QĐ số 1633/QĐ-TKV ngày 19/8/2015).

- Giá trị khối lượng thực hiện: Giá trị thực hiện năm 2022: 20.641 triệu đồng; Lũy kế thực hiện đến 31/12/2022: 3.534.439 triệu đồng (tương đương 89,96% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

- Giải ngân: Giá trị giải ngân năm 2022: 602.122 triệu đồng; Lũy kế giải ngân đến 31/12/2022: 3.200.289 triệu đồng (tương đương 81,5% tổng giá trị khối lượng đã thực hiện).

- Dự án triển khai bị kéo dài không đạt tiến độ đề ra do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan tồn tại từ những năm trước như: tỉnh Lào Cai thực hiện thu hồi đất trên mặt bằng nhà máy; thực hiện điều chỉnh quy hoạch và thu hồi một phần đất của dự án để xây dựng khu vực cửa khẩu Bản Vược; điều chỉnh thiết kế cho phù hợp trong quá trình thi công xây dựng; công tác giải ngân thanh toán cho các hợp đồng chậm, ảnh hưởng đến nguồn lực và tiến độ thi công của các nhà thầu; Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19...

- Dự án đã hoàn thành XD/CB, đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và đã được Bộ Công thương kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định; Hiện đang hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán các gói thầu để sớm quyết toán dự án hoàn thành.

c. Dự án Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai (Nhóm B):

- Tổng mức đầu tư: 490.684 triệu đồng (QĐ số 380/QĐ-HĐQT ngày 15/6/2016).

- Giá trị khối lượng thực hiện: Giá trị thực hiện năm 2022: 120.553 triệu đồng (tương đương 99,63% kế hoạch); Lũy kế thực hiện đến 31/12/2022: 385.053 triệu đồng (tương đương 78,47% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

- Giải ngân: Giá trị giải ngân năm 2022: 34.296 triệu đồng; Lũy kế giải ngân đến 31/12/2022: 255.976 triệu đồng (tương đương 66,48% tổng giá trị khối lượng đã thực hiện).

- Nhìn chung tiến độ hiện tại đang chậm, nguyên nhân do ảnh hưởng của đại dịch covid-19 đến việc bố trí lao động trên công trường; khó khăn trong công tác bồi thường, GPMB, dừng thi công do việc điều chỉnh thiết kế bố trí mặt bằng, địa chất có nhiều thay đổi đất đá yếu ($f \leq 4$)...

- Dự kiến hoàn thành trong dự án trong quý III/2023.

d. Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2022 - Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (Dự án nhóm B)

- Tổng mức đầu tư: 316.268 triệu đồng (QĐ số 862/QĐ-HĐQT ngày 31/8/2022).

- Giá trị kế hoạch năm 2022: 32.806 triệu đồng.

- Giá trị dự kiến thực hiện năm 2022: 140.067 triệu đồng.

- Giá trị dự kiến giải ngân năm 2022: 34.647 triệu đồng.

- Thời gian dự kiến hoàn thành: 2023.

- Dự án nhằm thực hiện mua sắm thiết bị phục vụ sản xuất, hiện dự án đã được TKV thông qua và HĐQT Tổng công ty phê duyệt theo quy định, hiện đang triển khai thực hiện các hợp đồng cung cấp thiết bị của dự án.

e. Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền (Dự án nhóm B)

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.700.000 triệu đồng.

- Giá trị kế hoạch năm 2022: 6.930 triệu đồng.

- Giá trị dự kiến thực hiện năm 2022: 2.871 triệu đồng.

- Giá trị dự kiến giải ngân năm 2022: 1.286 triệu đồng.

- Thời gian dự kiến hoàn thành: 2027.

- Dự án hiện đã triển khai thực hiện công tác tư vấn lập Báo cáo NCKT, tư vấn thẩm tra Báo cáo NCKT và Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; hiện tại đã lập xong Báo cáo NCKT và đang trình các cấp thẩm quyền cho ý kiến, thông qua.

- Các mục tiêu chưa đạt được, khó khăn vướng mắc: Đơn vị tư vấn lập BC NCKT thực hiện còn chậm làm ảnh hưởng tiến độ thực hiện dự án theo yêu cầu.

- Đề xuất giải pháp triển khai thực hiện: Tiếp tục phối hợp với các đơn vị để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Ngoài các dự án khai thác, chế biến khoáng sản (Nhóm A, B) nêu trên, trong năm Công ty mẹ - Tổng công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án/công trình đầu tư duy trì, nâng cao năng lực sản xuất nhóm C như: Dự án đầu tư thiết bị máy lọc ép; Hệ thống bơm - 56 khai trường khu đông - Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Đầu tư xây dựng hệ thống mạng nội bộ tại Nhà máy Luyện đồng 2; và đầu tư các dự án đầu tư duy trì sản xuất khác...

BIỂU 01: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	TH NĂM 2021	TH NĂM 2022	Ghi chú
I	Kế hoạch đầu tư xây dựng	1.217.157	941.935	
1	Dự án nhóm A	896.883	605.276	
1.1	Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyến đồng Sin Quyền, Lào Cai	17.143	0	
1.2	Mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai (Giai đoạn I: 3 vạnT/n)	879.740	605.276	
2	Dự án nhóm B	260.208	263.491	
2.1	Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, LC	120.208	120.553	
2.2	Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2022 - Chi nhánh mỏ tuyến đồng Sin Quyền, LC	140.000	140.067	
2.3	Mở rộng nâng công suất mỏ đồng SQ		2.871	
3	Dự án nhóm C	60.066	73.168	
3.1	Đầu tư bổ sung duy trì SXKD của Tcty	60.066	73.168	

3.3. Đầu tư tài chính tại các Công ty con, Công ty liên kết năm 2022:

Đơn vị: đồng

TT	Đơn vị	Tổng doanh thu	Lợi nhuận	Ghi chú
I	Công ty con CP chi phối			
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico	1.240.728.503.076	211.144.464.365	
2	CTCP Khoáng sản & Luyện Kim Cao Bằng	122.306.700.702	12.573.644.231	
3	CTCP Gang thép Cao Bằng	2.132.895.734.765	6.089.635.013	
4	CTCP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng	11.376.445.706	650.993.913	
5	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	307.248.988.933	13.727.172.490	
6	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai	14.466.437.302	1.384.582.432	Chờ giải thể
7	CTCP Đất hiếm Lai Châu-Vimico	240.267.799		Đang đầu tư
II	Công ty liên kết			
1	CTCP Đá Quý và Vàng HN	22.004.012.749	4.651.975.351	
2	CTCP Xi măng Tân Quang	953.435.011.717	54.014.208.946	

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	11.435.249.863.728	10.695.438.320.172	-6,47%
Doanh thu thuần	7.991.138.594.794	12.250.906.544.435	53,31%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.306.651.722.797	286.532.777.858	-78,07%
Lợi nhuận khác	-3.604.195.749	-39.360.230.394	992,07%
Lợi nhuận trước thuế	1.303.047.527.048	247.172.547.464	-81,03%
Lợi nhuận sau thuế	1.084.395.155.380	202.063.079.942	-81,37%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15,00%	dk 15%	

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: lần

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,87	0,92	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,32	0,31	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0,71	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,52	2,44	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,11	3,22	
+ Vòng quay tổng tài sản	0,80	1,11	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,14	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,18	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,16	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2022:

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
200.000.000	Cổ phần phổ thông	199.085.200	914.800

Danh sách cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

Tên cổ đông	Tổng số cổ phần	Tổng số cổ phần	Thời gian bị hạn chế
-------------	-----------------	-----------------	----------------------

	sở hữu	hạn chế chuyển nhượng	chuyển nhượng
Cổ đông thể nhân	3.882.100	914.800	Theo thời gian cam kết làm việc tại DN

5.2. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông sáng lập: Không có
- Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ Vimico:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	5700100256	Số 226 Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	196.117.900	98,06 %

- Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1	196.117.900	98,0589%
II	Cổ đông trong nước	1.091		
1	Cá nhân	1.090	3.882.100	1,94105%
2	Tổ chức	1	196.117.900	98,0589%
III	Cổ đông nước ngoài	2		
1	Cá nhân	1	300	0,0000015%
2	Tổ chức	1	100	0,0000005%
	TỔNG CỘNG	1.093	200.000.000	100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Các cơ sở sản xuất của Tổng công ty thực hiện công tác BVMT theo quy định của pháp luật. Trong năm 2022, Tổng công ty không xảy ra các sự cố nghiêm trọng về môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Quy trình sản xuất, công tác quản lý kỹ thuật và bảo vệ môi trường được VIMICO ưu tiên chú trọng, nên các chỉ tiêu về ATVSLĐ - BVMT luôn trong phạm vi an toàn cho phép theo quy định Nhà nước. Việc quản lý nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất được kiểm soát chặt chẽ thông qua các giải pháp kỹ thuật và hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

6.3.1. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Năng lượng tiêu thụ tập trung chủ yếu của Công ty mẹ ở 02 đơn vị khai thác, sản xuất trực tiếp khoáng sản kim loại màu là Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico và Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico.

Năm 2022 Công ty mẹ - Tổng công ty tiêu thụ:

- Điện năng: 178,880 triệu kWh, trong đó:

+ CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Lào Cai - Vimico: 70,878 triệu kWh.

+ CN Luyện đồng Lào Cai - Vimico:	108,002 triệu kWh.
- Xăng, dầu các loại: 29,97 triệu lít, trong đó:	
+ CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Lào Cai - Vimico:	23,18 triệu lít.
+ CN Luyện đồng Lào Cai - Vimico:	6,79 triệu lít.

6.3.2. Công tác sử dụng nhiên liệu, điện năng:

Trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty luôn chỉ đạo các đơn vị sản xuất thực hiện tốt các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất. Đồng thời chú trọng việc xây dựng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật và tuyên truyền, vận động người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm về quản lý, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn trong sản xuất. Chủ động, tích cực trong việc thực hiện, theo dõi và quản lý các chỉ tiêu định mức tiêu thụ năng lượng phù hợp cho mỗi loại sản phẩm đến các bộ phận sản xuất và người lao động. Đối với những công đoạn sản xuất độc lập hoặc dây chuyền sản xuất có những thiết bị hoạt động không liên tục mà không cần thiết phải hoạt động trong giờ cao điểm đều được bố trí cho hoạt động sản xuất ngoài giờ cao điểm.

- Áp dụng các giải pháp quản lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành trong chiếu sáng công cộng, thiết bị công nghệ; Thay thế các đèn chiếu sáng bằng đèn tiết kiệm điện; Triển khai các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện cho 100% công trình chiếu sáng công cộng xây dựng mới. Thay thế dần các loại Aptomat, Contactor điều khiển động cơ điện của các thiết bị trong các dây chuyền tuyển khoáng, luyện kim bằng các loại biến tần phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc chỉnh định công nghệ, đồng thời tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong các công đoạn sản xuất.

6.4. Tiêu thụ nước:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty tập trung tại khu vực Lào Cai, nguồn nước cung cấp cho Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền chủ yếu lấy từ suối Ngòi Phát, Bát Xát; nguồn nước cung cấp cho Nhà máy Luyện đồng Lào Cai từ nhà máy nước khu vực xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng (cung cấp cho Nhà máy 1) và từ suối Pò Cũ xã Bản Vược, Bát Xát (cung cấp cho Nhà máy 2), với lượng nước sử dụng như sau:

a. Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền:

Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	12.304.421 m ³
<i>Trong đó</i>	
+ Lượng nước bổ sung	3.691.326 m ³
+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~70%)	8.613.095 m ³

b. Nhà máy Luyện đồng Lào Cai:

Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	803.236 m ³
<i>Trong đó</i>	
- Tại Nhà máy Luyện đồng số 1:	
Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	203.200 m ³
+ Lượng nước bổ sung	20.320 m ³

+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~90%)	182.880 m ³
- Tại Nhà máy Luyện đồng số 2:	
Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	500.036 m ³
+ Lượng nước bổ sung	50.004 m ³
+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~90%)	450.032 m ³
c. Tổng lượng nước Công ty mẹ - Tổng công ty sử dụng:	13.107.657 m ³
Trong đó	
+ Lượng nước bổ sung	3.771.650 m ³
+ Lượng nước tuần hoàn tái sử dụng	9.336.007 m ³

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Năm 2022, các đơn vị trong Tổng công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Năm 2022, tổng số lao động bình quân trong Công ty mẹ - Tổng công ty là 2.635 người, tiền lương bình quân 16,212 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Chi tiết đã trình bày tại mục 2.5.2, phần II.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2022 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1450/QĐ-VIMICO ngày 27/12/2021, trong năm 2022 Tổng công ty đã cử 1.252 lượt CBCNV, người lao động tham gia các lớp học ngắn hạn, dài hạn, các lớp tập huấn do TKV và Tổng công ty tổ chức ở mọi chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau ở 59 lớp/chương trình đào tạo, bồi dưỡng với tổng kinh phí là 6.224 tỷ đồng.

Tổ chức đào tạo các chuyên ngành tại nước ngoài: Cử 02 cán bộ tham gia khóa học Quản trị doanh nghiệp mở hiện đại tại Australia; 02 cán bộ tham gia học chương trình đào tạo chuyên gia về khai thác mỏ học tại Ba Lan.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2022 Tổng công ty đã tích cực tham gia và thực hiện tốt hoạt động an sinh xã hội, phát triển cộng đồng tại các địa phương, hỗ trợ các đơn vị còn gặp nhiều khó khăn trong SXKD do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 với tổng kinh phí thực hiện là 32,663 tỷ đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Chi tiết đã được nêu tại Khoản 1, mục II Báo cáo này)

1.2. Những việc đã làm được:

Tổng công ty đã quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, ban hành các giải pháp nhằm thực hiện và hoàn thành kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022.

Tổng công ty bám sát kế hoạch kỹ thuật công nghệ, kế hoạch sản lượng điều hành và các giải pháp kỹ thuật ban hành để triển khai có hiệu quả. Đảm bảo an toàn trong khai thác mỏ, đáp ứng cung cấp đủ quặng nguyên khai cho khâu tuyển. Tích cực triển khai XD CB các mỏ đồng Vi Kẽm, mỏ Chì kẽm Cúc Đường,

mỏ thiếc Thập Lục Phần. Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật khai thác đặc biệt là khâu khoan nổ mìn, xúc bốc, kiểm soát cung độ vận tải. Mặc dù có khó khăn về cung cấp nguyên liệu, nhưng hầu hết các nhà máy luyện kim đã duy trì hoạt động với thời gian có ích tăng, năng suất cao, các chỉ tiêu kỹ thuật đạt yêu cầu, chất lượng sản phẩm tốt, sản lượng các sản phẩm luyện kim đạt kế hoạch và cao hơn các năm trước.

Tổng công ty đã hoàn thiện và ban hành bổ sung các quy định, quy chế quản lý phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, định biên lại lao động tại các chi nhánh, đơn vị. Bố trí lao động hợp lý tại các khâu, bộ phận sản xuất. Thực hiện luân chuyển, điều động trong nội bộ Tổng công ty, hạn chế tối đa việc tuyển dụng mới (ngoại trừ lực lượng công nhân kỹ thuật cho các dự án mới). Chủ động giải quyết các vướng mắc liên quan thu xếp vốn cho các dự án đầu tư, thu xếp đủ vốn phù hợp với dòng tiền, hỗ trợ thu xếp vốn lưu động cho các công ty con.

Tổng công ty đã đẩy mạnh công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ vào quản lý, sản xuất kinh doanh. Năm 2022, toàn Tổng công ty có 278 sáng kiến cải tiến kỹ thuật - hợp lý hóa sản xuất được công nhận, giá trị làm lợi 10,1 tỷ đồng.

Công tác quản lý mua sắm vật tư phục vụ sản xuất có chuyển biến tích cực, tỷ lệ tồn kho vật tư năm 2022 là 3,65% (dưới 6% theo quy định), trong đó tồn kho vật liệu 4% (dưới 5% theo đúng quy định).

1.3. Tồn tại, hạn chế:

- Về sản xuất:

+ Một số mỏ sản lượng khai thác đạt thấp so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc làm chậm một số dự án so với tiến độ (nắn suối Nậm Chỏn; khu Bắc Nà Rựa; bãi thải Tây Nam mỏ Sin Quyền; Điều kiện khai thác các mỏ thiếc sa khoáng khó khăn, khai trường xuống sâu, diện tích hẹp, chiều cao bờ công tác lớn, khai tuyển lại bãi thải cũ (mỏ Tĩnh Túc);...

+ Dự án Nhà máy LĐ số 2 mới đi vào sản xuất, áp lực chi phí tài chính rất lớn; Giá bán một số sản phẩm kim loại như đồng, kẽm thỏi, phôi thép trên thị trường từ đầu tháng 7/2022 biến động giảm và giảm sâu từ tháng 8/2022 làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của toàn Tổng công ty,...

+ Sự cố máy nén khí tại Nhà máy Luyện đồng số 2 và lò cao sản xuất gang đúc tại Khu liên Hợp Gang thép Cao Bằng làm ảnh hưởng đến sản xuất, nên sản lượng đạt thấp.

- Về đầu tư: Do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng nên tiến độ thực hiện 02 hạng mục/gói thầu, gồm: số 41 « Nắn suối Nậm Chỏn + Xây dựng cầu qua đoạn nắn suối Nậm Chỏn »; số 61 « Xây dựng khu tái định cư số 1 xã Cốc Mỳ, huyện Bát Xát » thuộc Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai và các gói thầu của Dự án khai thác mỏ hầm lò Vi kẽm đều bị chậm tiến độ.

2. Tình hình tài chính và những đánh giá về tài chính: (số liệu chi tiết tại Khoản 4, Mục II Báo cáo này).

Năm 2022, tình hình tài chính của TCT 6 tháng đầu năm khá tốt do giá khoáng sản vẫn ở mức cao, tuy nhiên đến những tháng cuối năm tình hình khó khăn hơn khi giá các nguyên vật liệu đầu vào thì vẫn ở mức cao, trong khi giá bán các sản phẩm khoáng sản chính của TCT bị giảm thấp.

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản toàn TCT giảm 739.812 trđ so với số đầu năm, trong đó: tài sản ngắn hạn giảm 404.155 trđ; tài sản dài hạn tăng 173.217 trđ.

Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do hàng tồn kho giảm 1.209.009 trđ, trong đó: tăng nguyên liệu vật liệu 106.034 trđ; giảm chi phí SXKD dở dang: 640.212 trđ; giảm thành phẩm, hàng hóa: 654.085 trđ; tăng trích lập dự phòng giảm giá thành phẩm 19.546 trđ.

Tài sản dài hạn tăng do tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản: 61.793 trđ, tăng chi phí trả trước dài hạn 99.254 trđ.

b) Tình hình nợ phải trả:

* *Nợ phải trả ngắn hạn:*

Số dư nợ phải trả ngắn hạn toàn Tổng công ty tại ngày 31/12/2022 là: 4.760.361 trđ.

Nợ ngắn hạn giảm so với số đầu năm 647.182 trđ, trong đó chủ yếu do:

- Phải trả cho người bán giảm:	231.507 trđ.
- Người mua trả tiền trước tăng:	5.950 trđ.
- Thuế và các khoản phải nộp giảm:	69.183 trđ.
- Phải trả người lao động tăng :	39.136 trđ.
- Vay và nợ tài chính ngắn hạn tăng:	165.992 trđ.
- Phải trả ngắn hạn khác giảm :	557.571 trđ.

* *Nợ phải trả dài hạn:*

Số dư nợ dài hạn toàn TCT tại ngày 31/12/2022 là: 2.832.623 trđ.

Nợ dài hạn tăng so với số đầu năm là 124.919 trđ, trong đó: do tăng khoản người mua trả tiền trước: 184.447 trđ; tăng chi phí phải trả dài hạn: 104.986 trđ; giảm vay và nợ thuê tài chính: 168.137 trđ, tăng các khoản khác: 3.623 trđ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, của TKV, phù hợp với Điều lệ và mô hình quản lý thực tế của Tổng công ty.

Rà soát, đào tạo, chuẩn bị sẵn sàng lao động cho Dự án khai thác mỏ hầm lò Vi Kẽm, Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 Công ty mẹ - Tcty:

- Doanh thu:

+ Công ty mẹ - Tcty: 8.277 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu khoáng sản: 8.193 tỷ đồng, doanh thu khác: 84 tỷ đồng.

+ Hợp nhất toàn Tcty: 12.556 tỷ đồng

Trong đó:	Doanh thu khoáng sản:	12.454 tỷ đồng
	Doanh thu SXKD khác:	102 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế:
- + Lợi nhuận Công ty mẹ: 192 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 132 tỷ đồng; Kinh doanh khác: 60 tỷ đồng).
- + Lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tcty: 215 tỷ đồng, bao gồm: Lợi nhuận từ khoáng sản: 149 tỷ đồng; Lợi nhuận từ kinh doanh khác: 66 tỷ đồng.
- Tỷ lệ cô tức: $\geq 5\%$
- Tiền lương bình quân: Toàn Tổng công ty đạt 14,856 tr.đ/người/tháng, trong đó: Công ty mẹ - Tcty: 17,418 tr.đ/người/tháng.
- Lao động sử dụng trong kỳ: 5.125 người, trong đó, công ty mẹ 2.686 người.
- Tổng giá trị ĐTXD CB: 524.539 triệu đồng. Trong đó: Xây lắp: 71.434 triệu đồng; Thiết bị: 435.070 triệu đồng; Chi phí tư vấn và khác: 18.035 triệu đồng.

4.2. Các sản phẩm chủ yếu sản xuất - tiêu thụ Công ty mẹ:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Tinh quặng đồng 25%Cu		70.882	
2	Tinh quặng manhetit 60%Fe	Tấn	126.788	150.000
3	Đồng katốt 99,95% Cu	Tấn	30.000	32.000
4	Vàng 99,95% Vàng	Kg	950	1.000
5	Bạc thời 99% Ag	Kg	1.090	1.400
6	Axit sulfuric 93 - 98% H ₂ SO ₄	Tấn	112.700	120.000

5. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các khu vực có nguy cơ cao về môi trường, quản lý chặt chẽ chất thải. Thực hành tiết kiệm điện, nước, năng lượng.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động. Đảm bảo được công việc, tiền lương, chế độ chính sách và chế độ đãi ngộ khác cho người lao động. Ban hành bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến người lao động theo đúng quy định của pháp luật và điều kiện SXKD thực tế của Tổng công ty.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Chấp hành đúng quy định của các địa phương về các vấn đề hỗ trợ cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HĐQT Tổng công ty hiện nay gồm có 05 thành viên là:

1. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty;
2. Ông Trịnh Văn Tuệ - TV HĐQT - Tổng Giám đốc;
3. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên chuyên trách HĐQT.
4. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT, Phó TGD;
5. Ông Bùi Tiến Hải - Thành viên HĐQT, Phó TGD.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022

HĐQT Tổng công ty đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, triển khai thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT với trách nhiệm quản lý mọi mặt hoạt động SXKD của Tổng công ty đã chỉ đạo điều hành thực hiện đúng vai trò quản lý, giám sát và đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Ban giám đốc Tổng công ty điều hành đúng định hướng. Các thành viên Hội đồng quản trị đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia và/hoặc có ý kiến tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu. Theo lĩnh vực được phân công, các thành viên đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. HĐQT đồng thuận khi thông qua các Nghị quyết, quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển, các chủ trương lớn nhằm kịp thời giải quyết công việc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD đúng với quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động SXKD của Tổng Công ty và quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, HĐQT mời Trưởng Ban kiểm soát và một số cán bộ quản lý tham gia cuộc họp để HĐQT có những quyết định phù hợp với tình hình sản xuất.

Thù lao của các TV HĐQT thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong năm 2022, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 47 phiên họp HĐQT và ban hành 148 nghị quyết chỉ đạo và thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung một số Quy chế, Quy định quản lý nội bộ làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Tổng công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Phê duyệt/ thông qua các kế hoạch SXKD, ĐTXD,... để ban điều hành triển khai thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo và đưa ra các giải pháp hợp lý, tăng cường quản trị, giám sát bộ máy quản lý.

- Trong công tác đầu tư đã tập trung chỉ đạo, huy động mọi nguồn lực, biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty. Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực, thực hiện thành công một số mục tiêu chính trong Đề án tái cơ cấu về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và CNKT trình độ cao.

- Thông qua nhân sự để Tổng Giám đốc Tổng công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty theo thẩm quyền.

2.2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty:

HĐQT thống nhất với báo cáo đánh giá của BGD về kết quả hoạt động SXKD năm 2022 của Tổng công ty như đã trình bày ở phần trước. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn thách thức, nhưng đội ngũ CBCNV Tổng công ty đã đoàn kết, gắn bó, có nhiều cố gắng trong SXKD, triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong quản lý, điều hành.

Kết thúc năm 2022, lợi nhuận của Tổng công ty không đạt kế hoạch chủ yếu là các nguyên nhân khách quan như đã nêu ở các phần trên.

2.3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban điều hành theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT,...

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho Ban điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hàng quý, HĐQT đều tổ chức họp giao ban liên tịch giữa HĐQT và cơ quan điều hành, Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp quan trọng để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn. Mỗi quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Cơ quan điều hành Tổng công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị công ty.

Chỉ đạo thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của HĐQT và ĐHCĐ.

Qua giám sát hoạt động của Ban điều hành cho thấy: phần lớn cán bộ điều hành đều có đủ năng lực, đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên việc kiểm tra, hướng dẫn, đào tạo nhân viên cấp dưới đôi lúc chưa hoàn thành tốt công việc được giao, một số việc chậm tiến độ, phát sinh chi phí còn nhiều,...

3. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2023:

Nhận định năm 2023 kinh tế vĩ mô đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng, dầu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; công tác giải phóng mặt bằng tiếp tục khó khăn; điều kiện khai thác tại đa số các đơn vị khó khăn hơn; máy móc thiết bị xuống cấp; thiếu nguyên liệu để sản xuất cho Tổ hợp gang thép Cao Bằng;... nên hoạt động SXKD năm 2023 trong toàn Tổng công ty chắc chắn vẫn có nhiều thách thức. Để hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2023, HĐQT Tổng công ty tập trung ưu tiên chỉ đạo các mặt hoạt động sau:

1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2023, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của KHSX năm 2023 và các nhiệm vụ chính trong quản lý SXKD, như trong các Báo cáo đã trình bày trước đại hội.

2. Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, ĐTXD, ATMT của Tổng công ty có hiệu quả. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2023, đảm bảo cân đối và thu xếp đủ vốn để thực hiện đầu tư và chuẩn bị nguyên, nhiên, vật liệu cho SXKD.

3. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định trong Điều lệ tổ chức

và hoạt động của Tổng công ty và các quy chế hiện hành; Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

4. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội của Tổng công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển Tổng Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển;

5. Nâng cao hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty ở các doanh nghiệp mà Tổng công ty có vốn góp, giảm và từng bước tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị để khắc phục tình trạng giám sát đặc biệt.

6. Chỉ đạo thực hiện và tổ chức giám sát tốt việc thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm về tuân thủ chính sách pháp luật trong đầu tư và tiến độ, chất lượng đầu tư. Tổ chức thực hiện các nội dung về các dự án dở dang, quyết toán vốn đầu tư, xử lý tồn đọng về tài chính, tài sản, thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.... của các công ty con, đơn vị trực thuộc theo nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm đảm bảo hiệu quả SXKD toàn Tổng công ty.

8. Tiếp tục hoàn thiện đề án tái cơ cấu giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030; Quan tâm đến xây dựng, đào tạo và bổ sung tuyển dụng cán bộ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức tuyển dụng theo quy chế được HĐQT phê duyệt. Triển khai và hoàn thành công tác xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2025 - 2030 và rà soát, bổ sung giai đoạn 2020 - 2025 các chức danh lãnh đạo Tổng công ty, đơn vị và Trưởng, Phó phòng/ban Tcty. Xây dựng kỷ luật kỷ cương và văn hóa doanh nghiệp;

9. Chuẩn bị các nguồn lực để chuẩn bị cho kế hoạch 2023 và các năm tiếp theo, đặc biệt là nguồn lực về tài nguyên khoáng sản và khẩn trương triển khai Dự án mở rộng và nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền.

10. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nâng cao hơn trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình.

11. Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Tổng công ty. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền để ban hành thực hiện thống nhất trong toàn Tổng công ty.

12. Tăng cường giám sát, kiểm tra các đơn vị thực hiện tốt công tác an toàn môi trường, phòng chống thiên tai, an ninh trật tự,...

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Đã nêu tại mục 2 Phần II.

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị đã họp 47 cuộc họp Hội đồng quản trị, 148 nội dung và kết quả của các cuộc họp đã ban hành được 148 nghị quyết.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Đã nêu tại mục 2 Phần II.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2022 BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với tỷ lệ tham dự họp, làm việc của từng thành viên đạt 100%, số cuộc họp năm 2022 là 09 cuộc (phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế của BKS) để làm việc cụ thể, tổng kết các công việc đã thực hiện và lập kế hoạch cho kỳ tiếp theo và báo cáo kiến nghị phù hợp.

- Ngoài ra BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị giao ban điều hành và một số cuộc họp theo chuyên đề để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

***Thực hiện 2022**

- Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	Tổng giám đốc	01	540.000.000	540.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	2.430.000.000	2.430.000.000
3	Kế toán trưởng	01	450.000.000	450.000.000
	Tổng cộng	07	3.420.000.000	3.420.000.000

- Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	TV HĐQT	01	486.000.000	486.000.000
2	TB kiểm soát	01	504.000.000	504.000.000
	Tổng cộng	02	990.000.000	990.000.000

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

- Thù lao của TV HĐQT, Thành viên Ban KS không chuyên trách chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Mức lương của Chủ tịch HĐQT tính bằng mức tiền lương thực hiện của TGD)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	CT HĐQT	01	74.400.000	108.000.000
2	TV HĐQT	03	194.400.000	291.600.000
3	TV kiểm soát	02	120.000.000	194.400.000
	Cộng	06	388.800.000	594.000.000

Hình thức chi:

+ Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

+ VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

*** Kế hoạch 2023**

- Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	Tổng giám đốc	01	51.000.000	612.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	45.900.000	2.754.000.000
3	Kế toán trưởng	01	42.500.000	510.000.000
	Tổng cộng	07		3.876.000.000

- Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	45.900.000	550.800.000
2	TB Kiểm soát	01	47.600.000	571.200.000
	Cộng	02		1.122.000.000

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách, tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
3	Thành viên BKS	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
	Cộng		05			333.600.000

Quỹ thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định **tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện** của TV chuyên trách.

- Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng mức tiền lương cơ bản của TV HĐQT chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT độc lập	01	27.000.000	324.000.000
	Cộng	01		324.000.000

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tcty năm 2023.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2022, Tổng công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty, đã có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế lành mạnh, tạo nên sự hài hòa của một loạt các mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, từ đó tạo nên định hướng và sự kiểm soát Tổng công ty. Thúc đẩy hoạt động và tăng cường khả năng tiếp cận của Tổng công ty với các nguồn vốn bên ngoài, góp phần tích cực vào việc tăng cường giá trị Tổng công ty, giảm thiểu rủi ro, tăng cường đầu tư và phát triển bền vững cho Tổng công ty. Thực hiện tốt các quy định: Trách nhiệm của HĐQT và Ban Kiểm soát; công khai và minh bạch thông tin; quyền lợi giữa người quản lý, hội đồng quản trị và cổ đông khác; vai trò của các tổ chức kiểm toán độc lập; chính sách đãi ngộ với các nhà quản lý; việc thực thi các điều khoản luật và hợp đồng...

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Báo cáo Tài chính năm 2022 của Tổng công ty đã được công bố thông tin theo quy định.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo thường niên năm 2022 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP. *Loan*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trịnh Văn Tuệ

